

Bản án số: 96/2024/DS-PT

Ngày 28-9-2024

“V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Ứng.

Các Thẩm phán: Ông Lương Đức Dương và ông Nguyễn Tài Sử.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Vương Thị Bắc – Kiểm sát viên.

Các ngày 26 và 28 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 54/2024/TLPT-DS, ngày 13 tháng 8 năm 2024 về việc *“Tranh chấp quyền sử dụng đất”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2024/DS-ST ngày 26-6-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa bị bà HM kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 64/2024/QĐ-PT ngày 23 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà HM, sinh năm 1969, địa chỉ: Tổ dân phố A, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Bà HK, sinh năm 1977, địa chỉ: Tổ dân phố A, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; có mặt.

Các anh Nguyễn Quốc Đ và Huỳnh Nhật D; cùng địa chỉ: phường B, quận C, thành phố Hồ Chí Minh; anh Đ vắng mặt, anh D có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Các Luật sư Đỗ Văn L, Đàm Văn H và Đàm Bội N; địa chỉ: Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn LP – phường B, quận C, thành phố Hồ Chí Minh; ông L vắng mặt, ông H và bà N có mặt.

- Bị đơn: Ông Đỗ Văn C, sinh năm 1974 và bà Lê Thị Kiều T, sinh năm 1974, địa chỉ: Tổ dân phố D, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H – VPLS Nguyễn Thanh H, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Nông, địa chỉ: Tổ dân phố E, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Y'S, sinh năm 1994; anh Y'S1, sinh năm 2000; chị H'D, sinh năm 1998; bà HM1, sinh năm 1965; ông Y'M, sinh năm 1977; cùng địa chỉ: Tổ dân phố A, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; anh Y'S có mặt.

Bà H'R, sinh năm 1957, địa chỉ: xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

Anh Đỗ Hồng Q, sinh năm 1996; anh Đỗ Thành T, sinh năm 1998; cùng địa chỉ: Tổ dân phố D, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

Ủy ban nhân dân thành phố G, địa chỉ: phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

- Người làm chứng:

Ông Đinh Tiến T, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn CX, xã Đ, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

Ông Lý Tổ G, sinh năm 1970; địa chỉ: phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

Ông Đinh Văn P, địa chỉ: Thôn F, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Chị Trần Thị D, sinh năm 1980; ông Đỗ Văn N, sinh năm 1977; ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1971; cùng địa chỉ: Thôn CX, xã Đ, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

Ông K'T; địa chỉ: Thôn G, xã Đ, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

Ông Y'DMC, sinh năm 1936; bà H'K; ông Y'T, sinh năm 1977; ông Y'C, sinh năm 1938; ông Điều S, sinh năm 1958; ông K'X, sinh năm 1955; ông Y'K, cùng địa chỉ: Tổ dân phố A, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

Ông N*-*-+++++ có mặt, còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23-10-2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Năm 1994, ông Y'T (*chết năm 1997*) và bà H'G (*chết năm 1999*) là bố mẹ của bà H'M khai hoang được diện tích đất khoảng 23.000m² thuộc thửa số 95, tờ bản đồ số 57, tọa lạc tại: Thôn I, xã Đ (*nay thuộc thôn CX, xã Đ, thành phố G, tỉnh Đắk Nông*). Các năm 1995 và 1996, vợ chồng bà H'M cùng với bố mẹ của bà trồng Lúa và Ngô trên đất. Đến năm 1997, vợ chồng bà H'M được bố mẹ cho toàn bộ diện tích đất nêu trên, việc cho đất không làm giấy tờ. Việc bố mẹ bà khai hoang, cũng như quá trình sử dụng đất có ông Y'K, ông Y'DMC, ông Y', bà H'J, ông K'X, bà H'R, ông Đỗ Văn N và ông Nguyễn Văn S biết.

Vào năm 1998, vợ chồng bà H'M có đổi với vợ chồng ông Đỗ Văn C và bà Lê Thị Kiều T một phần đất diện tích hơn 01ha tại vị trí phía đuôi thửa đất, giáp suối để lấy 01 xe Honda Cup 50 trị giá 7.500.000đ (*bảy triệu năm trăm nghìn đồng*). Việc đổi đất lấy xe không được lập giấy tờ. Phần diện tích còn lại khoảng 11.287,1m² nằm ở vị trí giáp đường nhựa thì vợ chồng bà H'M tiếp tục sử dụng. Trên phần đất còn lại này, vợ chồng bà H'M trồng cây ngắn ngày và một số cây Điều. Năm 2001, chồng

của bà H'M là ông Điều S bị tai nạn chân thương sọ não, bà H'M phải đi học nên đất để trống và không canh tác, sử dụng.

Năm 2018, gia đình bà H'M đến diện tích đất nêu trên để tiếp tục canh tác thì bị ông Đỗ Văn C và bà Lê Thị Kiều T ngăn cản. Bà H'M đã yêu cầu UBND xã Đ giải quyết tranh chấp. Ngày 21/05/2019, Ủy ban nhân dân thị xã G (*nay là thành phố G*) đã có Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 287041 do Ủy ban nhân dân thị xã G (*nay là thành phố G*) cấp ngày 09/02/2018 cho ông Đỗ Văn C và bà Lê Thị Kiều T, lý do thu hồi: Cấp không đúng đối tượng sử dụng đất và không đúng nguồn gốc sử dụng đất. Mặc dù đã bị thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông C và bà T cố tình không bàn giao diện tích đất nói trên cho gia đình bà H'M. Do đó, bà H'M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Đỗ Văn C và bà Lê Thị Kiều T trả lại diện tích đất tranh chấp thuộc thửa đất số 95, tờ bản đồ số 57, với tổng diện tích là 11.287,1m²; tọa lạc tại thôn CX, xã Đ, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; đồng thời yêu cầu ông C và bà T phải bồi thường cho gia đình bà H'M thiệt hại do thất thoát nguồn thu nhập từ năm 2018 đến nay. Tại cấp sơ thẩm, bà H'M đã rút yêu cầu khởi kiện về việc bồi thường thiệt hại.

Bà H'M thừa nhận không có tranh chấp với ông C và bà T đối với phần đất đổi vào năm 1998 và trong quá trình vụ án đang được giải quyết bà có trồng thêm 01 cây Mít, 66 cây Điều, 350 cây Mai và xây dựng thêm 02 công trình khung sắt, thưng tôn, mái lợp tôn, 14 trụ bê tông cao 1,4 m, 03 dây kẽm gai dài 89m trên diện tích đất có tranh chấp vào năm 2021.

Bị đơn ông Đỗ Văn C và bà Lê Thị Kiều T trình bày: Năm 1998, gia đình ông bà có đổi với ông Điều S (*chồng của bà H'M*) 01 chiếc Honda Cup 50 trị giá 7.000.000đ (*bảy triệu đồng*) để lấy diện tích đất rẫy khoảng 1,5 ha; đất này gia đình ông Điều S trồng Lúa cạn trước đó. Khi trao đổi hai bên có làm giấy tờ viết tay nhưng đã bị thất lạc. Sau khi nhận đất, vợ chồng ông C trực tiếp làm và thuê ông Lý Tổ G ông Đình Tiến T, ông Đình Văn P khai phá rộng thêm ra xung quanh diện tích khoảng 6,5 ha. Tổng diện tích đổi với ông Điều S và khai hoang thêm là khoảng 08 ha. Diện tích đất đổi này gia đình ông C và bà T không có tranh chấp với bà H'M, vị trí nằm tiếp giáp với diện tích đất đang có tranh chấp.

Quá trình sử dụng đất của gia đình ông Đỗ Văn C cụ thể như sau:

Năm 1999, ông C và bà T chuyển nhượng cho ông Lý Tổ G diện tích khoảng 1,5 ha, hiện nay ông G đang sử dụng;

Năm 2000, ông C và bà T chuyển nhượng cho ông Nguyễn Chí C diện tích khoảng 07 sào, hiện ông C đã cho con trai là anh T đang sử dụng;

Năm 2004, ông C và bà T chuyển nhượng cho ông Đỗ Văn N và ông Nguyễn V diện tích khoảng 02 ha, hiện ông S và ông N vẫn đang sử dụng;

Năm 2005, ông Ch và bà T chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn D diện tích khoảng 01 ha, hiện ông D đang sử dụng.

Một phần diện tích đất đổi của ông Điều S đã được chuyển nhượng cho những người ở trên. Phần diện tích còn lại khoảng 1,1 ha, nằm liền kề với phần đất đổi của

ông Điều S, gia đình ông Đỗ Văn Ch đang sử dụng. Quá trình sử dụng như sau: Năm 2002, vợ chồng ông C trồng Mì; năm 2003 cho ông Hoàng Văn K trồng Mì; cuối năm 2003 ông C nhờ ông K trồng cây Sao xen cây Mì; năm 2005 ông C trồng Điều; năm 2007, ông C trồng Keo; năm 2012 ông B chặt khoảng 20 cây Sao của gia đình ông C, sự việc được Công an xã lập biên bản, ông B đã bồi thường cho ông C 3.000.000 đồng; năm 2015 ông Trần Phú M cắt của ông C 13 cây Keo, sau đó hai bên thỏa thuận, ông M đã bồi thường cho ông C 1.000.000 đồng; năm 2017, dự án “Giảm cường độ phát thải cung cấp năng lượng điện tỉnh Đắk Nông” đi qua đất của gia đình ông C, Ban quản lý Dự án Điện Nông thôn Miền Trung đã bồi thường cho gia đình ông C số tiền 4.437.520 đồng đối với 20 cây Sao, 07 cây keo Lai và 50,60m² đất để lắp trụ móng và kéo đường dây đi qua, gia đình ông C đã làm thủ tục kê khai và nhận tiền bồi thường, không ai có ý kiến tranh chấp gì; năm 2017, gia đình ông C cắt bớt cây Sao và trồng 300 trụ Tiêu; cùng năm 2017, gia đình ông C đăng ký kê khai đến ngày 09/02/2018, ông C và bà T được Ủy ban nhân dân thị xã Gia Nghĩa (*nay là UBND thành phố G*) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 0287041 đối với thửa đất số 95, tờ bản đồ số 57, diện tích 11.022m². Gia đình ông C và bà T sử dụng đất ổn định từ khi khai hoang (*năm 1998*) đến khi có tranh chấp với gia đình bà H'M (*cuối năm 2018*).

Quá trình giải quyết vụ án ông Đỗ Văn C và bà Lê Thị Kiều T không có yêu cầu phản tố, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H'M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – UBND thành phố Gia Nghĩa (ông Huỳnh Ngọc T là người đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Ngày 29/11/2017, ông Đỗ Văn C có đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 95, tờ bản đồ 57, địa chỉ tại thôn CX, xã Đ, thành phố G, tỉnh Đắk Nông. Ngày 26/12/2017, UBND xã Đ xác nhận đất có nguồn gốc do hộ ông Đỗ Văn C khai hoang vào năm 1998, mục đích sử dụng: Trồng cây lâu năm và phù hợp với quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp. Ngày 14/01/2018, Văn phòng đăng ký đất đai thị xã G xác nhận hộ ông Đỗ Văn C đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 09/02/2018, UBND thị xã G phê duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ ông Đỗ Văn C.

Tháng 3/2018, xảy ra tranh chấp giữa ông C và bà H'M. Quá trình các cơ quan có thẩm quyền xác minh thực địa và thu thập các tài liệu liên quan đến đất tranh chấp; ngày 16/10/2018, Thanh tra thị xã G ban hành Báo cáo về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho ông Đỗ Văn C là không đúng đối tượng sử dụng đất và không đúng nguồn gốc sử dụng đất. Ngày 04/4/2019, Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã G ban hành tờ trình về việc hủy bỏ tính pháp lý của Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 287041 do Ủy ban nhân dân thị xã cấp. Ngày 21/05/2019, UBND thị xã G ban hành Quyết định số: 497/QĐ-UBND, về việc thu hồi Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 287041 do Ủy ban nhân dân thị xã cấp ngày 09/02/2018 đối với thửa đất số 95 tờ bản đồ số 57 cho ông Đỗ Văn C và bà Lê Thị Kiều T với lý do như đã nêu trên.

Anh Y'S, anh Y'S1, chị H'D (là con của bà H'M) trình bày: Các anh, chị thống nhất với lời khai của bà H'M, đất đang tranh chấp là của bà H'M, ngoài ra không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Các anh Đỗ Thành T và Đỗ Hồng Q (là con của ông Đỗ Văn C và bà Lê Thị Kiều T) trình bày: Thừa đất đang tranh chấp là của ông C và bà T, lúc khai hoang các anh còn nhỏ nên không có đóng góp gì.

Bà H'M1, bà H'R và ông Y'M (là chị, em ruột của bà H'M) *trình bày:* Đất đang tranh chấp có nguồn gốc do ông Y'T và bà H'G khai hoang vào năm 1994, diện tích khai hoang khoảng 2,5 ha. Tháng 8/1997, ông Y'T và bà H'G cho bà H'M toàn bộ diện tích này, khi cho không lập giấy tờ. Diện tích đất này thuộc quyền sử dụng của bà H'M, các ông, bà không có tranh chấp gì.

Lời khai của những người làm chứng:

Ông Y'Th (là con nuôi của ông Y'T) trình bày: Năm 1994, ông có tiến hành khai hoang rừng và cùng ông Y'T canh tác. Trên phần đất hiện đang tranh chấp trước khi ông Điều S bị tai nạn có trồng Điều và Muồng, sau khi ông Điều S bị tai nạn thì không canh tác gì thêm. Ông Y'Th không biết về các giao dịch khác giữa bà H'M, ông Điều S và ông C, bà T.

Ông K'T trình bày: Năm 1995 (thời điểm này ông là cán bộ địa chính xã Đ), ông cùng với đoàn đo đạc của tỉnh Đắk Lắk có ở lại nhà bà H'M. Bố mẹ bà H'M đã tiến hành khai hoang mảnh đất hiện đang tranh chấp thuộc thửa đất số 95, tờ bản đồ số 57, đất tọa lạc tại thôn 7, xã Đ (nay là thôn CX, xã Đ, thành phố G, tỉnh Đắk Nông). Sau này diện tích đất trên giao cho gia đình bà H'M canh tác.

Ông Y'DMC (là già làng từ năm 2004 đến nay) trình bày: Nguồn gốc lô đất bà H'M đang sử dụng là do bố mẹ bà H'M khai hoang và để lại trước khi mất. Bố mẹ của bà H'M sử dụng đến năm 1994 thì chia cho 06 người con, phần đất bà H'M được chia có diện tích hoảng 1,1 ha có tứ cận: Phía Đông giáp đường đất (bây giờ là đường nhựa), phía Tây giáp suối, phía Nam giáp đất ông Y'C (là bác họ của bà H'M), phía Bắc giáp đất ông Điều R (là chú họ của bà H'M). Khoảng một nửa lô đất phần giáp với suối bà H'M trồng Lúa xen cây Điều, một nửa còn lại giáp đường thì để trống. Đến khoảng năm 2003, 2004 ông Đỗ Văn C chặt Điều để trồng Cà phê và cây Sao, diện tích ông C sử dụng là một nửa phần đất của bà H'M. Đối với phần đất còn lại giáp đường bà H'M vẫn quản lý, sử dụng; năm 2021 bà H'M đã trồng Điều và xây 02 nhà tạm bằng tôn. Quá trình sử dụng đất bà H'M không sử dụng đất liên tục mà có bỏ hoang một thời gian khoảng 03 đến 04 năm, ông không nhớ chính xác.

Ông Y'C trình bày: Nguồn gốc đất của bà H'M là do bố mẹ bà H'M cho, phía dưới rẫy Lúa đã được trao đổi với ông Đỗ Văn C và bà Lê Thị Kiều T để lấy 01 xe Honda Cub 50. Phần đất tranh chấp giáp ranh đất của ông Y'C thì bà H'M và ông Điều S đã trồng Điều và các loại hoa màu. Sau khi ông Điều S bị tai nạn và con trai bị thương nặng thì đất không còn ai canh tác nữa.

Ông Điều Sr trình bày: Năm 1994, ông Y'T và bà H'G cùng các con của bà H'M và ông Điều S khai hoang để trồng Lúa, Bắp. Các thông tin khác ông Điều Sr không biết.

Ông K'X trình bày: Năm 1994, ông K'X cùng khai hoang với gia đình bà H'. Bà H'M đã trao đổi phần dưới trồng lúa để lấy 01 chiếc xe Honda Cup 50, phần rẫy phía trên đang tranh chấp bà H'M trồng cây Điều, Sả, Ổt, Bo bo, Khoai mì, Bí, Bầu, Cà đắng. Năm 2001, chồng và con của bà H'M xảy ra tai nạn, bà H'M đi học nên phần đất tranh chấp không có ai canh tác.

Ông Y'K trình bày: Nguồn gốc đất của bà H'M là phần đất bố mẹ bà H'M đã khai hoang từ năm 1994 chia lại cho các con sau khi mất. Bà H'M đã trao đổi phần dưới trồng Lúa để lấy 01 chiếc xe Honda Cup 50, phần rẫy phía trên đang tranh chấp bà H'M trồng một số hoa màu. Năm 2001, chồng và con của bà H'M xảy ra tai nạn, bà H'M đi học nên phần đất tranh chấp không có ai canh tác.

Bà H'K trình bày: Nguồn gốc đất của bà H'M là phần đất bố mẹ bà H'M đã khai hoang từ năm 1994 chia lại cho các con sau khi mất. Bà có thấy gia đình bà H'M canh tác, sử dụng đất. Sau đó chồng và con bà H'M xảy ra tai nạn, bà H'M đi học nên đất không có ai canh tác thì bị gia đình ông C lấn chiếm và hiện đang tranh chấp.

Ông Đinh Văn P trình bày: Năm 1998, ông Đỗ Văn C thuê ông P khai hoang đất rừng để ông C lấy đất làm rẫy tại vị trí đất đang tranh chấp. Ông P khai hoang cùng với ông Đinh Tiên T, ông Lý Tổ G và một số người khác nhưng không rõ tên. Diện tích khai hoang là 06 ha có tứ cận: 01 phía giáp nhà ông K và ông C, 01 phía giáp đường Be, 02 phía còn lại giáp nhà dân nhưng không biết tên. Hiện trạng khu đất khi khai hoang là rừng tự nhiên và một số rừng chồi, rừng nguyên sinh. Ông P được ông C thuê phát cây từ năm 1998 đến năm 2000. Sau khi đất trồng thì giao lại cho ông C, ông C trồng Mỳ, Cà phê và Điều. Phần đất gia đình bà H'M đổi cho ông C không liên quan đến phần đất ông P được thuê khai hoang. Ông P không thấy gia đình bà H'M canh tác, sử dụng đất đối với phần diện tích đất ông C đã khai hoang.

Ông Lý Tổ G trình bày: Năm 1998, ông C thuê ông G đến khu vực đất của ông C lúc bấy giờ là thôn I, xã Đ, huyện Đ (nay là thôn CX, xã Đ, thành phố G) để phát cây cho ông C. Cùng làm với ông G có ông Đinh Văn P, ông Đinh Tiên T, ông Đinh Văn T (đã chết) và một số người khác không nhớ họ tên, địa chỉ. Thời điểm phát dọn hiện trạng đất là rừng nguyên sinh, mật độ cây dày và lớn, chưa có ai khai hoang. Thời gian làm từ năm 1998 đến năm 2000. Diện tích đất khai hoang là khoảng 6 đến 7 ha có tứ cận vào năm 1998 bao gồm: Mặt trước giáp đường Be (giờ là đường nhựa), mặt sau lưng giáp đất ông Y'M là em ruột của bà H'M, bên trái giáp đường be (giờ là đường cấp phối), bên phải giáp đường be chiều ngang gần 02m. Năm 1999 ông Đỗ Văn C chuyển nhượng cho ông G diện tích khoảng 1,5ha với giá 7.500.000 (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Ông G có biết việc ông C đổi 01 xe Honda Cub với người khác để lấy phần đất phía dưới giáp với phần đất khai hoang. Trước năm 2018 ông G không thấy gia đình bà H'M sử dụng đất.

Ông Đinh Tiên T trình bày giống với ông Lý Tổ G về thời điểm, diện tích, địa chỉ, tứ cận phần đất khai hoang. Cùng làm với ông T là ông Đinh Văn P, ông Lý Tổ G, ông Đinh Văn T (đã chết) và một số người khác (không nhớ tên). Năm 2000, ông C trồng cây Sao và cây Điều. Ông T không thấy gia đình bà H'M canh tác hay khai hoang đất.

Ông Đỗ Văn N trình bày: Năm 1996, ông N xin của ông K'R là anh của bà H' M 01 lô đất, cách lô đất mà bà H'M sử dụng khoảng 300m, bà H'M có trồng Lúa và một số cây ngăn ngày trên đất. Nguồn gốc đất ông N không biết, diện tích khoảng 02-03 ha. Năm 1996 – 1997, ông Đỗ Văn C làm rẫy bên kia suối. Năm 2001, ông C canh tác trên phần đất của bà H'M nhưng không thấy hai bên tranh chấp. Năm 2001, ông N có mua 01ha đất của ông C. Năm 2001, chồng bà H'M có trồng một số cây ngăn ngày và cây Điều sau đó không canh tác gì khác. Năm 2013, 2014 ông C có trồng Mì trên thửa đất, sau đó ông C bỏ không canh tác thêm.

Bà Trần Thị D là vợ của ông N đồng ý với lời khai của ông N.

Ông Nguyễn Văn S trình bày: Ông S mua của ông Đỗ Văn C diện tích 01 ha đất liền kề với đất của bà H'M đang có tranh chấp với ông C. Vợ chồng bà H'M có trồng Bắp và Điều nhưng sau khi ông Điều S bị tai nạn giao thông thì không thấy gia đình bà H'M canh tác trên đất.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2024/DS-ST ngày 26-6-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa đã quyết định:

Căn cứ điểm khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, các điều 91, 92, 95, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 228, Điều 147, Điều 157, Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 3, Điều 73 Luật Đất đai 1993; Điều 100, Điều 203 Luật đất đai 2013; Án lệ số: 33/2020/AL ngày 25 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân tối cao.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H'M về việc buộc ông Đỗ Văn C và bà Lê Thị Kiều T phải trả lại diện tích đất tranh chấp 11.287,1m² tại thửa đất số 95, tờ bản đồ số 57, địa chỉ: Thôn CX, xã Đ, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của bà H'M về việc buộc ông Đỗ Văn C và bà Lê Thị Kiều T bồi thường thiệt hại cho bà H'M.

3. *Về án phí:* Bà H'M phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002425, ngày 25 tháng 11 năm 2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

4. *Về chi phí tố tụng:* Bà H'M phải chịu chi phí tố tụng là 28.146.000đ (hai mươi tám triệu một trăm bốn mươi sáu nghìn đồng), bà H'M phải trả lại số tiền 3.100.000đ (ba triệu một trăm nghìn đồng) ông Đỗ Văn C và bà Lê Thị Kiều T đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng tại Tòa án. Tại Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số: 07/2024/QĐ-TA ngày 04/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa thì bà H' phải trả cho ông Đỗ Văn C và bà Lê Thị Kiều T số tiền 2.646.000đ (Hai triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/7/2024 bà H'M kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà H'M, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 16/2024/DS-ST ngày 26-6-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà H'M nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí theo đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn bồi thường thiệt hại do thất thoát nguồn thu nhập từ năm 2018 đến nay; Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án và xét yêu cầu kháng cáo:

[2.1]. Về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp:

Các đương sự tranh chấp đối với diện tích đất thuộc thửa đất số 95, tờ bản đồ số 57, diện tích 11.287,1m²; tọa lạc tại thôn CX, xã Đ, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

Theo trình bày của nguyên đơn (bà H'M) và những người làm chứng đứng về phía nguyên đơn thì diện tích đất trên có nguồn gốc do bố mẹ của nguyên đơn khai hoang năm 1994, tổng diện tích khai hoang là 23.000m². Năm 1997, bà H'M được bố mẹ cho toàn bộ diện tích đất này; năm 1998, vợ chồng bà H'M đổi hơn 01ha đất để lấy 01 xe Honda Cub 50 của ông Đỗ Văn C và bà Lê Thị Kiều T; phần diện tích còn lại gia đình bà H'M không chuyển nhượng cho ai mà để trồng cây ngắn ngày và Điều; từ năm 2001 do các biến cố trong gia đình nên bà H'M để đất trống không canh tác

sử dụng; đến năm 2018 gia đình bà H'M quay trở lại tiếp tục canh tác thì phát sinh tranh chấp với ông C và bà T. Tại giai đoạn hòa giải ở UBND xã Đắc Nĩa và tại phiên tòa phúc thẩm, bà H'M xác định nguồn gốc đất vào năm 1994, bố của bà là ông Y'T được Lâm trường Đ giao đất rừng để quản lý, bảo vệ, nuôi rừng giữ đất, sau này giải thể người dân phát rừng làm rẫy, đến năm 1997 thì bà được giao lại khu đất này. Đồng thời bà H'M cung cấp bản gốc đơn xin nhận đất lâm nghiệp và nhận rừng của ông Y'T, quyết định khoán quản rừng của Giám đốc Lâm trường Đ, biên bản bàn giao rừng và đất rừng để quản lý bảo vệ rừng, trong đó ông Y'T được giao đất, giao rừng tại lô 1, khoảnh 2, tiểu khu 951, thuộc phân trường 2, tổng diện tích rừng tự nhiên là 54 ha.

Theo trình bày của bị đơn (ông C) và những người làm chứng đứng về phía bị đơn thì diện tích đất trên có nguồn gốc do bị đơn thuê các ông Lý Tổ G, Đinh Tiến Th, Đinh Văn P và nhiều người khác khai phá. Trong đó, lời khai của các ông G, Th và P đều xác định tại thời điểm khai hoang đang là rừng nguyên sinh, có nhiều cây gỗ lớn, chưa có dấu hiệu bị chặt phá trước đây. Diện tích khai phá cộng với diện tích đổi của gia đình bà H'M là khoảng 08 ha. Sau khi chuyển nhượng cho các ông Lý Tổ G (1,5ha), Nguyễn Chí C (07sào), Đỗ Văn N và Nguyễn Văn S (02ha), Nguyễn Văn D (01ha) thì phần diện tích còn lại khoảng 1,1ha gia đình ông Đỗ Văn C sử dụng từ năm 2002 đến năm 2018 thì phát sinh tranh chấp với bà H'M, tuy nhiên ngoài lời khai của các ông G, Th, P thì ông C không cung cấp được tài liệu nào chứng minh mình là người khai hoang đất.

Mặt khác, tại biên bản lấy ý kiến xác định nguồn gốc sử dụng đất giữa hộ bà H'M và hộ ông Đỗ Văn C lập ngày 22 tháng 8 năm 2018 tại Hội trường UBND xã Đ rất nhiều người làm chứng là những người sinh sống lâu năm tại địa phương và già làng ông DMC (sinh năm 1936) đều khẳng định diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc do bố mẹ của bà H'M khai hoang và giao lại cho bà H'M là đúng sự thật. Ông K'T là cán bộ địa chính xã Đ thời điểm năm 1995 cũng xác định nội dung trên. Đối với ông Đỗ Văn N – là người nhận chuyển nhượng đất của ông C vào năm 2004, tại Cơ quan điều tra Công an thành phố G, ông N xác định: Năm 1995, khi ông đến sinh sống gần vị trí đất tranh chấp hiện nay thì tại khu vực này đã được khai phá từ trước, chỉ có cây rừng chồi, không còn cây rừng lớn, ông N có đến gặp ông Điều S (chồng của bà H'M) để xin lời cây Trâm và cây Dầu gió, 3-4 năm sau mới thấy trên đất trồng cây Sao. Lời khai của ông Đỗ Văn C tại Cơ quan điều tra ngày 17 tháng 05 năm 2021 cũng thể hiện: Năm 1999 – 2000, ông C trồng cà phê nhưng không thành vì bị Lâm trường ngăn cản và tiến hành nhổ bỏ hết số cà phê ông trồng trên thửa đất, vì thế thửa đất bỏ hoang khoảng một năm, đến năm 2002 thì ông C cho ông S mượn đất để trồng Mì, năm 2003 thì trồng Sao, năm 2005 trồng Điều, năm 2017 trồng Tiêu. Bên cạnh đó, các bên đều thừa nhận năm 1998, bà H'M đổi đất để lấy của ông Đỗ Văn C 01 xe Honda; diện tích đất đổi nằm liền kề diện tích đất tranh chấp, tại thời điểm đổi đất thì bà H'M đã trồng lúa cận trên phần diện tích đất đổi và các bên không có tranh chấp đối với phần diện tích đất đổi này.

[2.2]. Về quá trình sử dụng đất:

Nguyên đơn bà H'M và những người làm chứng đứng về phía nguyên đơn đều thừa nhận bà H'M chỉ sử dụng đất từ khi khai hoang đến năm 2001; từ năm 2001 đến năm 2018 là thời điểm phát sinh tranh chấp, bà H'M để đất trống, không canh tác, sử dụng đất.

Căn cứ lời khai của bị đơn ông Đỗ Văn C và những người trực tiếp được ông C thuê trồng cây trên đất, cũng như kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án cấp sơ thẩm, có căn cứ xác định trên diện tích đất tranh chấp, ông C nhờ ông Hà Văn S trồng khoảng 200 cây Sao vào tháng 02 năm 2003, đến năm 2005 thì ông C thuê ông Hoàng Văn K trồng khoảng 100 cây Điều xen kẽ vào cây Sao, lúc này cây Sao đã cao khoảng 02 đến 03m, đường kính 05cm.

Đối với diện tích đất ông C đổi xe Honda lấy đất của gia đình bà H'M và tổng diện tích ông C thuê các ông Lý Tổ G, Đinh Tiến T, Đinh Văn P cùng nhiều người khác khai hoang thêm, trong đó bao gồm cả diện tích đất đang tranh chấp thì gia đình ông C đã chuyển nhượng cho nhiều người, hiện những người này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đều sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp.

[2.3]. Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Tháng 12 năm 2017, ông Đỗ Văn C làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 09 tháng 02 năm 2018, ông C được UBND thị xã Gia Nghĩa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 287041 đối với thửa đất số 95, tờ bản đồ số 57, diện tích 11.022m².

Tháng 5 năm 2018, bà H'M có đơn tranh chấp quyền sử dụng đất đối với ông C tại UBND xã Đ. Ngày 16/10/2018, Thanh tra thị xã G có Báo cáo số: 30BC-TTr, trong đó căn cứ vào biên bản của UBND xã Đ về việc lấy ý kiến xác định nguồn gốc đất lập ngày 22/8/2018, có sự tham gia của Già làng cùng 33 người đồng bào dân tộc tại chỗ và hồ sơ giao khoán đất rừng của Lâm trường Đ đối với ông Y'T (bố của bà H'M) để khẳng định đất tranh chấp có nguồn gốc của ông Y'T, đồng thời kiến nghị Phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND thị xã G ban hành quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp với lý do cấp không đúng đối tượng sử dụng đất và không đúng nguồn gốc sử dụng đất. Ngày 21/5/2019, UBND thị xã G ban hành Quyết định số: 497/QĐ-UBND thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 287041 do UBND thị xã Gia Nghĩa cấp ngày 09/02/2018 cho ông Đỗ Văn C và bà Lê Thị Kiều T, lý do thu hồi như nêu trên. Hiện nay thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai.

Hồ sơ thu thập tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố G thể hiện: Thửa đất số 95, tờ bản đồ số 57 (đất đang tranh chấp) trước năm 2008 chưa được kê khai đo đạc bản đồ địa chính; giai đoạn từ năm 2008 – 2018 chưa cập nhật tên người sử dụng đất lên bản đồ và hồ sơ địa chính; từ năm 2019 đo đạc lại thành thửa đất số 37, tờ bản đồ số 143 nhưng chưa được kê khai do đất đang tranh chấp.

[2.4]. Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các đương sự, người làm chứng có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định:

Diện tích đất các bên đương sự tranh chấp có nguồn gốc, vị trí thuộc tiểu khu 1771, nằm trong khu đất có diện tích 6.455,44 ha của Ban quản lý Rừng phòng hộ Đắc Nيا (Lâm trường Đ). Ngày 13 tháng 12 năm 2007, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắc Nông ban hành Quyết định số: 1890/QĐ-UBND, thu hồi nguyên trạng khu đất giao cho Ủy ban nhân dân thị xã G quản lý, bố trí sử dụng và ngày 15 tháng 9 năm 2008, Ủy ban nhân dân thị xã G ban hành Quyết định số: 845/QĐ-UBND giao nguyên trạng 5.452,53 ha đất và rừng cho Ủy ban nhân dân xã Đ quản lý, bố trí sử dụng. Do đó, việc nguyên đơn cho rằng năm 1994, bố của nguyên đơn là ông Y'T được Lâm trường Đ giao khoán đất rừng, sau đó ông Y'T khai hoang, lấn chiếm đất của Lâm trường khoảng 23.000m² để canh tác, sử dụng đến năm 1997 thì cho nguyên đơn, nguyên đơn sử dụng đến năm 2001 thì không tiếp tục sử dụng; bị đơn cho rằng khai hoang năm 1998 và bắt đầu sử dụng đất từ năm 2001 cho đến nay thì việc sử dụng đất của cả nguyên đơn và bị đơn đều là bất hợp pháp.

Theo quy định của pháp luật về đất đai, Ủy ban Nhân dân thị xã Gia Nghĩa đã có quy hoạch sử dụng đất, giao đất cho người đang thực tế sử dụng. Năm 2017 bị đơn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, năm 2018 có khiếu nại, tranh chấp với nguyên đơn nên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã bị hủy bỏ; tuy nhiên bị đơn là người kê khai và trực tiếp sử dụng đất liên tục, công khai từ năm 2001 cho đến nay, đã tạo lập các tài sản có giá trị lớn trên đất, phù hợp với Điều 100 Luật Đất đai nên Tòa án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi đất là đúng; tuy vậy xét quá trình sử dụng đất: Nguyên đơn có công khai hoang, lấn chiếm sử dụng từ năm 1994 đến năm 2001, năm 2021 làm nhà và trồng cây trên đất; bị đơn thì sử dụng từ năm 2001 cho đến năm 2018; do đó, để đảm bảo quyền lợi cho các bên cần buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn công sức cho việc duy trì, phát triển đất từ thời điểm năm 1994 đến năm 2001 (08 năm).

Theo Chứng thư thẩm định giá: Diện tích đất tranh chấp có giá 2.263.941.200 đồng; diện tích đất tranh chấp có khoảng thời gian từ khi phát dọn, canh tác đến nay là 30 năm; gia đình bà H'M sử dụng đất được 08 năm, cần buộc ông C thanh toán cho bà H'M 80% giá trị quyền sử dụng đất tương ứng số tiền 482.974.000 đồng là phù hợp.

Đối với số cây trồng trên đất và 02 nhà tạm do bà H'M tạo lập vào năm 2021, sau khi Tòa án thụ lý và đang trong quá trình giải quyết vụ án; Tòa án cấp sơ thẩm nhận định bị đơn không có phản tố đối với số tài sản này nên không giải quyết là chưa phù hợp và không triệt để. Hội đồng xét xử xét thấy số cây trồng trên đất đang phát triển bình thường, 02 nhà tạm hiện còn giá trị sử dụng, do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H'M về việc trả đất, **đất vẫn thuộc quyền sử dụng của ông C và bà T** nên cần buộc ông C và bà T phải thanh toán cho bà H'M giá trị số cây trồng trên đất và 02 nhà tạm. Theo Chứng thư thẩm định giá: 02 nhà tạm có giá 17.348.800 đồng; toàn bộ số cây trồng trên đất do bà H'M trồng có giá 32.244.600 đồng.

Như vậy, tổng số tiền ông C và bà T phải thanh toán cho bà H'M là 532.568.000 đồng (đã làm tròn). Ông C và bà T được quyền sử dụng thửa đất số 95, tờ bản đồ số 57, diện tích 11.022m² và sở hữu toàn bộ tài sản trên đất, đồng thời có quyền liên hệ

với Cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai để thực hiện các quyền của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

[4]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5]. Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của bà H'M không được chấp nhận nên bà H'M phải chịu chi phí tố tụng tương ứng số tiền 28.146.000 đồng. Bà H'M đã nộp 25.500.000 đồng nên phải hoàn trả số tiền 2.646.000 đồng cho ông Đỗ Văn C và bà Lê Thị Kiều T (do ông C và bà T đã nộp).

[6]. Về án phí:

[6.1]. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà H'M phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng;

Ông Đỗ Văn C và bà Lê Thị Kiều T phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền phải thanh toán cho bà H'M là 25.303.000 đồng.

[6.2]. Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bà H'M- không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bà H'M, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2024/DS-ST ngày 26-6-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, các điều 91, 92, 95, 147, 148, 157, 158, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 3, Điều 73 Luật Đất đai năm 1993; Điều 100, Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H' về việc buộc ông Đỗ Văn C và bà Lê Thị Kiều T phải trả lại diện tích 11.287,1m² thuộc thửa đất số 95, tờ bản đồ số 57, tọa lạc tại: Thôn CX, xã Đ, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

2. Buộc ông Đỗ Văn C và bà Lê Thị Kiều T phải thanh toán cho bà H'M tổng số tiền là 532.568.000 đồng (*Năm trăm ba mươi hai triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà H'M về việc buộc ông Đỗ Văn C và bà Lê Thị Kiều T bồi thường thiệt hại do thất thoát nguồn thu nhập từ năm 2018 đến nay. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại yêu cầu này theo quy định của pháp luật.

4. **Về chi phí tố tụng:** Bà H'M phải chịu 28.146.000đ (*Hai mươi tám triệu một trăm bốn mươi sáu nghìn đồng*), bà H'M phải hoàn trả cho ông Đỗ Văn C và bà Lê Thị Kiều T số tiền 2.646.000đ (*Hai triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn đồng*).

5. Về án phí:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà H'M phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002425, ngày 25 tháng 11 năm 2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

Ông Đỗ Văn C và bà Lê Thị Kiều T phải chịu 25.303.000 đồng.

5.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà H'M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho bà H'M số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0007192, ngày 11 tháng 7 năm 2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND thành phố Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS thành phố Gia Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, THCTP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Anh Ứng